ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2022/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 03 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 26/TTr-SXD ngày 19 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT.TQT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 11 /2022/QĐ-UBND Ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan nhà nước được phân công quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân cấp, phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước, có xét đến chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng nước là các hộ nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn theo tiêu chí quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

3. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chất lượng nước sạch

Chất lượng nước sạch phải đảm bảo quy định Điều 4 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xác định vùng phục vụ cấp nước

1. Vùng phục vụ cấp nước được quy định tại Điều 32 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định vùng phục vụ cấp nước trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc đơn vị cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận. Vùng phục vụ cấp nước được xem xét điều chỉnh phù hợp với quy hoạch, năng lực đơn vị cấp nước và yêu cầu thực tế.

3. Trong vùng phục vụ cấp nước, các đơn vị cấp nước có trách nhiệm đảm bảo lưu lượng nước cấp theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và đảm bảo năng lực cấp nước theo quy hoạch, kế hoạch cấp nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước

1. Việc lựa chọn đơn vị cấp nước được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 98/2019/NĐ-CP).*

2. Thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước trên phạm vi địa bàn từ hai *(02)* đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; cơ quan chuyên môn theo quy định tại Điều 18 Quy định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cấp nước theo quy định.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước trên phạm vi địa bàn quản lý.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 6. Đầu tư phát triển, đấu nối hệ thống cấp nước

1. Đối với các khu dân cư hiện trạng: Đơn vị cấp nước phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát các khu vực chưa có nước sạch và lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước được cấp thẩm quyền phê duyệt; trình cơ quan đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt.

2. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu chung cư, thương mại, dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu tái định cư không được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án, thực hiện đấu nối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và thỏa thuận đấu nối với đơn vị quản lý cấp nước, trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch.

3. Việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng các công trình cấp nước phải tuân các theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 7. Chất lượng dịch vụ tại điểm đấu nối

Chất lượng dịch vụ tại điểm đấu nối đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, các mục đích khác được quy định tại Điều 40 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 8. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước tại các khu vực đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong phạm vi vùng phục vụ cấp nước.

Điều 9. Di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước *(trừ phần thuộc phạm vi của khách hàng sử dụng nước)* do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện và trong những trường hợp:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình như: nhà, đường, cầu, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc thực hiện di dời theo quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do bên khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 10. Lắp đặt đồng hồ đo nước

1. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước bên ngoài ranh giới thửa đất của khách hàng sử dụng nước hoặc thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra ghi thu và bảo vệ an toàn đồng hồ. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đấu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước theo thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước; trường hợp khách hàng ở quá xa đường ống phân phối theo quy định tại thỏa thuận dịch vụ cấp nước thì thực hiện theo thỏa thuận dịch vụ cấp nước.

2. Trường hợp khách hàng nằm ngoài vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước: Chi phí lắp đặt đến điểm đấu nối *(trừ đồng hồ đo nước)* được thỏa thuận giữa hai bên nhằm đảm bảo quyền lợi kinh doanh của đơn vị cấp nước.

Điều 11. Bảo quản đồng hồ đo nước

1. Bảo quản đồng hồ đo nước

Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các niêm phong, niêm chì đồng hồ đo nước.

2. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước sửa chữa, thay thế mới đồng hồ đo nước khác. Chi phí sửa chữa, thay thế đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan niêm phong, niêm chì bị hư hỏng, khách hàng sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, niêm phong lại hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí khắc phục, thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

Điều 12. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

1. Đồng hồ đo nước trước khi lắp đặt phải được kiểm định theo quy định hiện hành. Khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tổ chức kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không

chính xác. Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá ± 5% lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

2. Khi nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước. Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của khách hàng sử dụng nước và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc.

3. Kết quả kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước được giải quyết như sau:

a) Trường hợp độ sai số của đồng hồ đo nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép ± 5% khối lượng nước phát sinh trong tháng thì khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 6 điều này.

b) Trường hợp sai số vượt quá giới hạn cho phép ± 5% khối lượng nước phát sinh trong tháng thì đơn vị cấp nước có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay thế đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước; đồng thời, phải hoàn trả lại cho khách hàng sử dụng nước số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh *(theo kết quả kiểm định)* theo quy định tại Mục VII Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Trường hợp đồng hồ đo nước chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép thì đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước; khách hàng sử dụng nước không phải thanh toán thêm cho đơn vị cấp nước số tiền tương ứng với lượng nước do đồng hồ đo nước chạy chậm.

4. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho hộ sử dụng nước thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho hộ sử dụng nước biết lượng nước sai lệch và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo.

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hóa đơn tiền nước 03 tháng liền kề trước đó; trong vòng một tháng đơn vị cấp nước có trách nhiệm khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ, kể cả việc thay đồng hồ khác.

5. Đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

6. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 13. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 14. Giá nước sạch

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP; Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; các quy định hiện hành về giá.

2. Giá nước sạch được điều chỉnh khi có sự thay đổi về công nghệ xử lý nước, quy chuẩn chất lượng dịch vụ, biến động về giá cả thị trường, sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước và theo lộ trình điều chỉnh giá nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý.

b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công nghệ, công suất, áp lực.

c) Đối với mạng lưới đường ống trước đồng hồ đo nước: Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.

2. Dữ liệu hệ thống cấp nước được đơn vị cấp nước chủ động xây dựng, quản lý và cập nhật thường xuyên.

Điều 16. Bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước

1. Chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước trên địa bàn.

2. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước; phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho xử lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước, tuân thủ quy định này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Khu vực bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước thực hiện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 17. Xử lý sự cố hệ thống cấp nước

Đơn vị cấp nước quản lý hệ thống cấp nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước *(nguồn nước, đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm Clo, công trình xử lý nước, chất lượng nước)* theo nguyên tắc, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc

a) Báo cáo sự cố và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.

b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.

c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm *(nếu có)*.

2. Báo cáo sự cố *(chỉ báo cáo đối với các sự cố gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp)*

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, bằng phương pháp nhanh nhất *(điện thoại trực tiếp)*, đơn vị cấp nước phải báo cáo tóm tắt về sự cố *(địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố, tình hình thiệt hại, đánh giá sơ bộ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục)* đến các cơ quan quản lý theo phân cấp để chỉ đạo kịp thời.

b) Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, đơn vị cấp nước phải báo cáo về sự cố bằng văn bản với các thông tin nêu trên gửi các cơ quan quản lý theo phân cấp.

3. Giải quyết sự cố

a) Chủ động phối hợp với địa phương nơi xảy ra sự cố: chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết và lập hồ sơ sự cố; lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung: địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố; sơ bộ về tình hình thiệt hại; sơ bộ về nguyên nhân sự cố.

b) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố.

4. Xử lý thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước

Tổ chức cá nhân gây ra sự cố đối với hệ cấp nước chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra. Việc xác định thiệt hại phải đảm bảo chính xác, đầy đủ.

Chương III
QUẢN LÝ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 18. Quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước khu vực đô thị, khu công nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước khu vực nông thôn.

3. Đối với các đơn vị cấp nước có phạm vi phục vụ bao gồm cả khu vực đô thị và nông thôn thì căn cứ tính chất, quy mô công suất, phạm vi cấp nước, công nghệ cấp nước, Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham gia góp ý các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp của Trung ương khi có yêu cầu; chủ trì nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

2. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đảm bảo cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp; quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

5. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước trong phạm vi được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

6. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham gia góp ý các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước nông thôn của Trung ương khi có yêu cầu; chủ trì nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

2. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trong phạm vi được phân cấp.

5. Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước trong phạm vi được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định; phối hợp trong việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cấp nước khi có yêu cầu.

2. Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước trong hoạt động cấp nước; quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các nguy cơ có thể gây ô nhiễm các nguồn nước nhất là các khu vực thượng nguồn, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp phòng ngừa và khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nguồn nước.

3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn, xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho các công trình khai thác sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phản ứng nhanh xử lý các sự cố ô nhiễm nguồn nước xảy ra trên địa bàn tỉnh; tổ chức diễn tập xử lý các sự cố ô nhiễm nguồn nước theo định kỳ, đột xuất.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan theo quy định của Bộ Y tế; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

3. Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; đề xuất các dự án đầu tư cấp nước sạch theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở quy hoạch được duyệt để kêu gọi đầu tư.

2. Tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư các dự án đầu tư cấp nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ về quyết định giá bán buôn, bán lẻ nước sạch sinh hoạt; lộ trình điều chỉnh giá nước sạch; chính sách hỗ trợ về giá nước sạch theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, đảm bảo người dân trên địa bàn, đặc biệt là các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định và người dân tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận với nước sạch.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước gửi; chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan kiểm tra thực hiện quyết định giá nước sạch, thực hiện điều chỉnh giá theo lộ trình tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh về giá nước sạch theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 25. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước phát hành hóa đơn theo quy định; đăng ký, khai thuế, nộp thuế tài nguyên, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc triển khai các công trình hạ tầng giao thông đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh trong đó có công trình cấp nước đảm bảo tính hiệu quả.

2. Chấp thuận, cấp giấy phép thi công công trình cấp nước trong hành lang an toàn đường bộ *(nếu có)* theo thẩm quyền; thực hiện giám sát theo phân cấp quản lý.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham gia ý kiến; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước sạch và kiểm tra công nghệ đã được vận hành hoạt động tại các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước sạch.

2. Phối hợp với Sở Y tế xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực đo lường đối với các phương tiện đo nằm trong danh mục quản lý nhà nước tại các đơn vị cấp nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

2. Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp với các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước thô, nước sạch.

3. Nhận bàn giao, quản lý, sử dụng có hiệu quả hệ thống các họng, trụ nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra chất lượng các trụ nước chữa cháy, kiến nghị đơn vị cấp nước sửa chữa, đảm bảo thay thế các trụ nước chữa cháy theo quy định.

4. Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt.

5. Phối hợp đơn vị cấp nước bảo vệ các trụ nước chữa cháy.

6. Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy; lập kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

Điều 29. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý theo nội dung được quy định tại Điều 5 quy định này.

2. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn và dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trong các khu công nghiệp do mình quản lý, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

3. Phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn do mình quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trong phạm vi quản lý về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, 01 năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước được quy định tại khoản 9 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý theo nội dung được quy định tại Điều 5 quy định này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định ranh giới cắm mốc và quản lý nguồn nước thô theo quy định.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn mình quản lý.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về cơ quan quản lý theo phân cấp.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức về sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình cấp nước sạch và lợi ích của việc sử dụng nước sạch.

Điều 31. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sinh hoạt; quy chế tính giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch do Nhà nước ban hành xây dựng phương án giá nước sạch, điều chỉnh giá nước sạch báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 quy định này.

3. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp theo điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước tại địa bàn phục vụ do mình quản lý theo nội dung quy định trình Sở Xây dựng thẩm định và thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; ưu tiên áp dụng các phương pháp, phần mềm quản lý, vận hành hiện đại, sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước; chủ động nghiên cứu, đầu tư lắp đặt đồng hồ đo nước công nghệ mới kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi cho khách hàng, giảm chi phí trong việc quản lý và thu tiền sử dụng nước.

6. Phối hợp với lực lượng Công an xây dựng phương án đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

7. Chủ động tự tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

8. Khi chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch cho các tổ chức, cá nhân khác, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước phải có ý kiến thỏa thuận với cơ quan nhà nước quản lý theo phân cấp và đơn vị đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

9. Xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu hệ thống cấp nước theo quy định tại Điều 15 quy định này; định kỳ vào tháng 01 hàng năm báo cáo tình hình hoạt động cấp nước và cung cấp dữ liệu hệ thống cấp nước của đơn vị về cơ quan quản lý theo phân cấp và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo địa bàn phục vụ cấp nước.

Điều 32. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh

1. Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Sử dụng nước tiết kiệm; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

3. Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước và ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Triển khai thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức khảo sát, phân định phạm vi quản lý theo phân cấp; phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.